TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH M**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2025/QĐST-DS	*K, ngày 04 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 61/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Huỳnh Hữu G** – Sinh năm: 1970; nơi cư trú: Khu phố E, thị trấn H, huyện K, tỉnh M.

- *Bị đơn*:

1. Ông **Nguyễn Văn T** – Sinh năm: 1959.

2. Bà **Nguyễn Thị C –** SN: 1959.

Đồng cư trú: Khu phố E, thị trấn H, huyện K, tỉnh M.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Ngô Thị N – Sinh năm: 1976.

2. Anh Nguyễn Ngọc A – Sinh năm: 1985.

3. Chị Nguyễn Thị Thanh B – Sinh năm: 1983.

4. Chị Nguyễn Thị Thanh D – Sinh năm: 1991.

Đồng cư trú: Khu phố E, thị trấn H, huyện K, tỉnh M.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Huỳnh Hữu G, chị Ngô Thị N, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị Thanh B, anh Nguyễn Ngọc A và chị Nguyễn Thị Thanh D thống nhất ngày 10 tháng 4 năm 2007, vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C có chuyển nhượng một phần thửa đất, nay là thửa đất số 44, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại khu phố E, thị trấn H, huyện K, tỉnh M cho anh Huỳnh Hữu G và chị Ngô Thị N giá tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) với diện tích là 187,5m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở, còn lại là đất trồng cây hàng năm khác), các bên đã giao nhận tiền và đất xong (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất bản chính ông T đang quản lý).

2.2. Anh Huỳnh Hữu G, chị Ngô Thị N, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị Thanh B, anh Nguyễn Ngọc A và chị Nguyễn Thị Thanh D thống nhất và yêu cầu Tòa án ghi nhận giao một phần thửa đất số 44, tờ bản đồ số 39, diện tích là 187,5m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở, còn lại là đất trồng cây hàng năm khác), tọa lạc tại khu phố E, thị trấn H, huyện K, tỉnh M, có giới cận: Phía Đông giáp đường bê tông; phía Tây giáp đất nông nghiệp của ông Nguyễn Văn T; phía Nam giáp đất và nhà của ông Nguyễn Văn T; phía Bắc giáp đất của chị Nguyễn Thị T1 (trên phần đất trên có ngôi nhà của anh G và chị N xây dựng năm 2007) trên cho anh Huỳnh Hữu G và chị Ngô Thị N trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật (có sơ đồ bản vẽ kèm theo, sơ đồ đánh vị trí số 3).

2.3. Án phí DS-ST: Anh Huỳnh Hữu G tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Anh Huỳnh Hữu G đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007040 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh M nay được khấu trừ.

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản hết 6.000.000đ (sáu triệu đồng); anh Huỳnh Hữu G tự nguyện chịu 6.000.000đ (sáu triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản; anh Huỳnh Hữu G đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản 6.000.000đ (sáu triệu đồng), nay được khấu trừ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện K;
- TAND tỉnh M;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Văn Đ